TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 09/4/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Phú Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Mai

2. Ông Nguyễn Vạn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Mỹ– Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 805/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS ngày 19/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2025/QĐST-DS ngày 17/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V

Trụ sở: Số 89 Đường H, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện ủy quyền: Bà H, bà Tvà D theo Văn bản ủy quyền số 9247.04/2025/UQN-PUN-RCC ngày 09/4/2025. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Lầu 3, 2B Đường Q, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông P, sinh năm 1995

Địa chỉ: 218C1 Đường K, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng V (gọi tắt là Ngân hàng

V) có ký với ông P các văn bản tín dụng vay vốn với nội dung như sau:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSA/VN0010325/2023 ký ngày 24/5/2023. Số tiền vay: 150.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống, lãi suất: 29,00%/năm. Dư nợ thực tế tạm tính đến ngày 16/01/2025, nợ gốc 137.904.855 đồng và nợ lãi 77.165.596 đồng (lãi trong hạn: 10.159.220 đồng và lãi quá hạn 67.006.376 đồng). Tổng cộng 215.070.451 đồng. Tổng số tiền mà ông P đã thanh toán khoản vay trên tạm tính đến ngày 16/01/2025 là: 25.102.344 đồng. Trong đó: trả gốc 12.095.145 đồng, trả lãi 13.007.189 đồng.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 27/5/2022. Hạn mức tín dụng: 93.000.000 đồng, mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, lãi suất: 39,48%/năm. Dư nợ tạm tính đến ngày 16/01/2025, nợ gốc 64.413.048 đồng, nợ lãi 57.425.515 đồng. Sau khi được cấp thẻ tính đến ngày 16/01/2025 tổng số tiền mà ông P đã chi tiêu 819.707.159 đồng. Trong đó ông P đã trả nợ gốc 755.294.111 đồng, nợ lãi đã trả là 12.964.751 đồng.

Tổng cộng hai hợp đồng trên, ông P đã thanh toán tính đến ngày 16/01/2025 là 793.361.196 đồng, trong đó nợ gốc: 767.389.256 đồng và nợ lãi 25.971.940 đồng. Từ ngày 13/12/2023, ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay, mặc dù Ngân hàng V đã tạo điều kiện về thời gian cho ông P thanh toán nợ, nhưng ông P vẫn không có phương án trả dứt nợ cho Ngân hàng V. Do thấy bị đơn không có khả năng thanh toán nợ nên Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với hợp đồng cho vay trên. Nay yêu cầu Tòa án buộc ông P phải trả ngay một lần toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng nêu trên cho Ngân hàng V, tạm tính đến ngày 16/01/2025 là 336.909.014 đồng. Trong đó, nợ gốc: 202.317.903 đồng, nợ lãi: 134.591.111 đồng. Ngoài ra ông P còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong văn bản tín dụng nêu trên từ ngày 17/01/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông P đã được Tòa án tống đạt, niêm yết Giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng bà Ph vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông P.

<u>Tại phiên tòa hôm nay:</u>

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V số nợ như sau:

+ Đối với giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm,

mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSA/VN0010325/2023 ngày 24/5/2023, dư nợ tạm tính đến ngày 09/4/2025 là 229.114.076 đồng, trong đó nợ gốc 137.904.855 đồng và nợ lãi 91.209.221 đồng.

+ Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 27/5/2022, dư nợ tạm tính đến ngày 09/4/2025 là 133.277.876 đồng, trong đó nợ gốc 64.413.048 đồng và nợ lãi 68.864.828 đồng.

Ngoài ra yêu cầu ông P tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

- Bị đơn ông P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà Ph đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng ông P vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V khởi kiện bị đơn ông P, phải trả số tiền còn thiếu phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự được qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Công an Phường Võ Thị Sáu, Quận 3 thì ông P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 218C1 Đường K, Phường S, Quận C, nhưng không thực tế cư trú. Hiện đang ở địa chỉ ấp L, xã T, huyện C, tỉnh L.

[1.3]. Căn cứ kết quả trả lời xác minh ngày 03/12/2024 của Công an xã T, huyện C, tỉnh L thì ông P có đăng ký tạm trú tại T275 ấp L, xã T, huyện C, tỉnh L từ ngày 17/10/2022 đến ngày 17/10/2024 (đã hết hạn), tại thời điểm xác minh công dân không còn cư trú.

[1.3]. Xét ông P có hộ khẩu thường trú tại Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và có đăng ký tạm trú tại huyện C, tỉnh L, đến ngày 17/10/2024 ông P không còn cư trú tại địa chỉ trên, hiện nay không rõ cư trú tại đâu. Xét thấy ông P không có nơi cư trú ổn định, thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới, làm cho người khởi kiện không biết được, nhằm mục đích che

dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện, ông P có hộ khẩu thường trú tại Quận C. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Xét bị đơn ông P đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ Điều 196, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

[2.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 3 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét ử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về thanh toán nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Căn cứ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSA/VN0010325/2023 ngày 24 tháng 5 năm 2023 (gọi tắt hợp đồng số DSA/VN0010325/2023 ngày 24/5/2023) và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 27/5/2022 (gọi tắt hợp đồng thẻ tín dụng ngày 27/5/2022) có chữ ký của ông P và có xác nhận của Ngân hàng V có cơ sở khẳng định: Ngân hàng V đã cấp cho ông P được sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 93.000.000 đồng và cho ông P vay số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 29%/năm.

[3.2]. Căn cứ bản tự khai, bảng kê tính lãi đối với hợp đồng số DSA/VN0010325/2023 ngày 24/5/2023 tính đến ngày 09/4/2025 nợ gốc chưa thanh toán là 137.904.855 đồng. Và bảng kê tính lãi đối với hợp đồng thẻ tín dụng ngày 27/5/2022 tính đến ngày 09/4/2025 nợ gốc chưa thanh toán là 64.413.048 đồng. Đến nay ông P không thanh toán cho Ngân hàng V đối với hai hợp đồng trên, là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng V đã chuyển dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông P.

[3.3] Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng".* Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về về thanh toán nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử 09/4/2025, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Khi ký kết các hợp đồng tín dụng ông P hiểu rõ các quy định về mức lãi suất cho vay được quy định trong hợp đồng, quy định tại *Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại* Ngân hàng V và *Điều kiện giao dịch chung về cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng...*

[4.2]. Căn cứ bảng kê tính lãi đối với hợp đồng số DSA/VN0010325/2023 ngày 24/5/2023 thì nợ lãi đến ngày 09/4/2025: lãi trong hạn 23.035.412 đồng, lãi quá hạn là 81.180.999 đồng, số tiền lãi đã thanh toán 13.007.189 đồng, nay còn lại chưa thanh toán 91.209.222 đồng. Đối với hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 27/5/2022 đến ngày 09/4/2025 số tiền lãi còn lại chưa thanh toán 68.864.828 đồng.

[4.3] Xét Ngân hàng V yêu cầu ông P thanh toán tiền lãi của hai hợp đồng tín dụng nêu trên, là phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 09/4/2025 đối với hợp đồng số DSA/VN0010325/2023 ngày 24/5/2023 nợ gốc 137.904.855 đồng, nợ lãi là 91.209.221 đồng. Tổng cộng 229.114.076 đồng; đối với hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 27/5/2022 nợ gốc 64.413.048 đồng, nợ lãi đến ngày 09/4/2025 là 68.864.828 đồng. Tổng cộng 133.277.876 đồng.

[6] Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm hợp đồng, không thanh toán đúng thời hạn, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần số tiền nợ nêu trên ngay khi án có hiệu lực là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[7]. Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 196; khoản 1 Điều 207; Điều 208; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông P phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền đã vay cụ thể như sau:

1.1. Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSA/VN0010325/2023 ngày 24/5/2023 yêu cầu thanh toán nợ gốc 137.904.855 đồng, nợ lãi đến ngày 09/4/2025 là 91.209.221 đồng. Tổng cộng 229.114.076 đồng.

1.2. Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 27/5/2022 yêu cầu thanh toán nợ gốc 64.413.048 đồng, nợ lãi đến ngày 09/4/2025 là 68.864.828 đồng. Tổng cộng 133.277.876 đồng.

Tổng cộng hai hợp đồng trên là 362.391.952 đồng. Việc thanh toán tiền phải được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 10/4/2025, ông P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định tại các Hợp đồng đã ký, Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại Ngân hàng V và Điều kiện giao dịch chung về cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi tiếp tục thanh toán sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm thi hành án.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P phải chịu là 18.119.598 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.891.070 đồng theo biên lai thu tiền số 0059043 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng V và ông P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Phú Oanh